

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: **Giao thông Vận tải**; Chuyên ngành: **Xây dựng Đường sắt**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: TRẦN ANH DŨNG

2. Ngày tháng năm sinh: 08/08/1983; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: Xã Đồng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Căn hộ 1801, CT3B, Khu đô thị mới Cổ Nhuế, Tổ dân phố Hoàng 7, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Đường sắt, Khoa Công trình, Trường Đại học Giao thông vận tải, số 3 Cầu Giấy, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại di động: 0983841175; E-mail: trananhdung@utc.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 12/2006 đến 10/2008: Trợ giảng, Bộ môn Đường sắt, Khoa Công trình, Trường Đại học Giao thông vận tải.

Từ 10/2008 đến 7/2023: Giảng viên, Bộ môn Đường sắt, Khoa Công trình, Trường Đại học Giao thông vận tải.

Từ 7/2023 đến nay: Giảng viên chính, Bộ môn Đường sắt, Khoa Công trình, Trường Đại học Giao thông vận tải.

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên chính; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó bí thư Chi bộ Đường sắt

Cơ quan công tác hiện nay: **Trường Đại học Giao thông vận tải**

Địa chỉ cơ quan: số 3 Cầu Giấy, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 02437663311.

8. Đã nghỉ hưu: Ứng viên chưa nghỉ hưu.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 06 năm 2006; số văn bằng: C629105; ngành: Xây dựng Cầu đường, chuyên ngành: Xây dựng Đường sắt; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 23 tháng 03 năm 2011; số văn bằng: A005080; ngành: Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông; chuyên ngành: Xây dựng Đường sắt; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam.

- Được cấp văn bằng 2 Đại học tiếng Anh ngày 17 tháng 07 năm 2018; số văn bằng: ĐH000621; ngành: Tiếng Anh; Nơi cấp bằng Đại học tiếng Anh: Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 08 tháng 10 năm 2021; số văn bằng: T000156; ngành: Kỹ thuật Xây dựng Công trình giao thông; Xây dựng Đường sắt; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Ứng viên chưa được bổ nhiệm PGS.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Giao thông vận tải.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Giao thông Vận tải.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

(1) Hướng nghiên cứu 1: *Nghiên cứu đánh giá, kiểm định chất lượng kết cấu đường ray đường sắt.*

(2) Hướng nghiên cứu 2: *Nghiên cứu vật liệu hiện đại và công nghệ hiện đại kết cấu đường ray đường sắt.*

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **02** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành **02** đề tài NCKH cấp Cơ sở (trong đó có 01 đề tài cấp Cơ sở trọng điểm);

- Đã hoàn thành **01** đề tài NCKH cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Đã công bố **33** bài báo khoa học, trong đó **12** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (ESCI, Scopus);

- Đã được cấp **01** bằng độc quyền giải pháp hữu ích;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Trong thời gian tham gia giảng dạy ở trường Đại học Giao thông vận tải từ 12/2006 đến nay, ứng viên thường xuyên đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở”, “Giấy khen của Hiệu trưởng”, “Bằng khen của Bộ trưởng” Bộ Giáo dục và Đào tạo và “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp Bộ” của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2024 (QĐ số 1107/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 04 năm 2025).

- “Bằng khen Bộ trưởng” của Bộ Giáo dục và Đào tạo do đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong hai năm liên tục từ năm học 2018-2019 đến năm học 2019-2020 (QĐ số 3507/QĐ-BGDĐT ngày 09/11/2020).

- Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở” các năm học:

- 2013-2014 (QĐ số 1229/QĐ-ĐHGTVT ngày 30/5/2014);
- 2018-2019 (QĐ số 1785/QĐ-ĐHGTVT ngày 27/8/2019);
- 2019-2020 (QĐ số 1651/QĐ-ĐHGTVT ngày 09/10/2020);
- 2020-2021 (QĐ số 1846/QĐ-ĐHGTVT ngày 14/10/2021);
- 2021-2022 (QĐ số 1764/QĐ-ĐHGTVT ngày 20/9/2022);
- 2022-2023 (QĐ số 2058/QĐ-ĐHGTVT ngày 17/9/2023);
- 2023-2024 (QĐ số 239/QĐ-ĐHGTVT ngày 17/1/2025);

- Danh hiệu “Lao động tiên tiến” và “Giấy khen Hiệu trưởng” các năm học:

- 2016-2017 (QĐ số 1609/QĐ-ĐHGTVT ngày 29/08/2017);
- 2017-2018 (QĐ số 1670/QĐ-ĐHGTVT ngày 24/08/2018);

- Danh hiệu “Lao động tiên tiến” các năm học:

- 2007-2008 (QĐ số 1334/QĐ-CTCT&SV ngày 08/09/2008);
- 2008-2009 (QĐ số 2040/QĐ-CTCT&SV ngày 15/09/2009);
- 2009-2010 (QĐ số 1462/QĐ-CTCT&SV ngày 31/08/2010);
- 2010-2011 (QĐ số 1857/QĐ-CTCT&SV ngày 16/09/2011);
- 2011-2012 (QĐ số 1607/QĐ-CTCT&SV ngày 08/08/2012);
- 2012-2013 (QĐ số 1484/QĐ-ĐHGTVT ngày 26/08/2013);
- 2014-2015 (QĐ số 1652/QĐ-ĐHGTVT ngày 31/08/2015);
- 2015-2016 (QĐ số 1584/QĐ-ĐHGTVT ngày 11/08/2016);
- 2016-2017 (QĐ số 1609/QĐ-ĐHGTVT ngày 29/08/2017);
- 2017-2018 (QĐ số 1669/QĐ-ĐHGTVT ngày 24/08/2018);

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Ứng viên là nhà giáo có thâm niên giảng dạy đại học 16 năm 9 tháng (không tính thời gian trợ giảng và tập sự từ 12/2006 – 9/2008). Ứng viên đã giảng dạy nhiều thế hệ sinh viên ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, chuyên ngành xây dựng Đường sắt, Đường sắt đô thị và Cầu - Đường sắt tại Khoa Công trình, Trường Đại học Giao thông vận tải. Từ tháng 4/2023, ứng viên bắt đầu tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ cho ngành: Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông; chuyên ngành: Xây dựng Đường sắt. Nhiều sinh viên và học viên cao học mà ứng viên giảng dạy và hướng dẫn sau khi tốt nghiệp đã được công ty, viện nghiên cứu trong ngành Giao thông vận tải đánh giá cao. Một số sinh viên, học viên đã trở thành giảng viên, nhà khoa học, chuyên gia của các trường đại học và ngành Giao thông vận tải và họ có những đóng góp nhất định cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH), chuyển giao công nghệ, hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực Giao thông vận tải nói chung và ngành Đường sắt nói riêng. Ứng viên cũng liên tục tự trau dồi kiến thức và tham gia vào công tác thiết kế, thi công và thẩm tra các dự án trọng điểm của ngành Giao thông vận tải để mở rộng thêm kiến thức chuyên môn, đem thực tế và những kinh nghiệm học được từ các dự án về truyền đạt lại cho các thế hệ sinh viên và học viên.

Ứng viên tự nhận thấy bản thân đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Ứng viên có đủ sức khỏe để giảng dạy, NCKH và hướng dẫn sinh viên NCKH, hướng dẫn đồ án tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ.

- Ứng viên có lý lịch bản thân rõ ràng và có tư tưởng chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với chủ trương, đường lối của Đảng, chấp hành nghiêm pháp luật của Nhà nước, quy định của Ngành và của Nhà trường;

- Ứng viên luôn giữ đúng phẩm chất, tư cách, đạo đức và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ của nhà giáo và luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao;

- Ứng viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và được đào tạo chính quy bài bản, đúng chuyên ngành từ trình độ đại học, trình độ thạc sĩ đến trình độ tiến sĩ;

- Ứng viên có kinh nghiệm và kiến thức thực tế thông qua việc tham gia thiết kế, thi công và thẩm tra các dự án trọng điểm của ngành Giao thông vận tải;

- Về công tác giảng dạy: Ứng viên luôn tự cố gắng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, liên tục cập nhật kiến thức khoa học cũng như các kiến thức, kinh nghiệm đúc kết từ thực tiễn sản xuất để có thể truyền đạt kiến thức tốt nhất cho sinh viên và học viên cao học. Ứng viên thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến trong giảng dạy. Ứng viên luôn coi người học là trung tâm, luôn coi trọng, khích lệ và khơi dậy tinh thần tự học và sự sáng tạo của sinh viên và học viên cao học, gắn liền lý thuyết và thực tế. Từ đó, góp phần đào tạo các thế hệ sinh viên và học viên sau đại học không những giỏi về chuyên môn, có đạo đức tốt mà còn có khả năng thích ứng cao với công việc ngay sau khi ra trường.

- Về công tác NCKH: Ứng viên đã thực hiện với vai trò chủ nhiệm các đề tài và tham gia các đề tài KHCN cấp cơ sở, cấp Bộ mang tính ứng dụng cao, có thể trực tiếp hoặc gián tiếp ứng dụng trong kết cấu hạ tầng đường sắt. Ứng viên cũng tích cực tham gia hội nghị, hội thảo khoa học các cấp trong nước và quốc tế để công bố các công trình khoa học, mở rộng mối liên kết với các nhà khoa học khác, để tìm những ý tưởng mới cho các đề tài KHCN và đề tài cho NCKH sinh viên, luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ... Bên cạnh đó, ứng viên thường xuyên tham gia hội đồng phản biện, nghiệm thu đề tài, phản biện các tiêu chuẩn của ngành Giao thông vận tải và phản biện các bài báo khoa học trong và ngoài trường. Ứng viên hiện là Thư ký tiểu ban chuyên môn: “Tiểu ban xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông” và thành viên tiểu ban xây dựng Đề án “Phát triển Công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực đường sắt tốc độ cao và đường sắt đô thị”. Ứng viên cũng tham gia tổ chức hội thảo quốc tế về phát triển bền vững trong xây dựng lần thứ 5 ICSCE 2024 với vai trò thư ký.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 16 năm 9 tháng.

- Kết quả đào tạo 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn GD trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn GD quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015-2016	-	-	-	12	229	-	229/565,18/270
2	2016-2017	-	-	-	13	252	-	252/587,58/270
3	2021-2022	-	-	-	05	234	-	234/411,32/270
03 năm học cuối								
4	2022-2023	-	-	02	01	144	90	234/408,70/225
5	2023-2024	-	-	-	01	228	-	228/370,20/225
6	2024-2025	-	-	-	01	396	-	396/482,65/225

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, số bằng: ĐH000621; năm cấp: 2018.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh (Các lớp chất lượng cao Kinh tế xây dựng Việt – Anh, Cầu Đường Anh, Chương trình tiên tiến, Công trình giao thông đô thị Việt Nhật, Công nghệ cầu-đường sắt tốc độ cao).

- Nơi giảng dạy: Khoa đào tạo Quốc tế, Trường Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam.

3.2. Tiếng Anh: Bằng đại học thứ 2.

4. Hướng dẫn HVCH:

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Đức Phương		x	x		07/04/2023 - 07/11/2023	Trường Đại học GTVT	Bằng ThS số C002905 cấp ngày 30/10/2024
2	Phạm Đình Đạo		x	x		07/04/2023 - 07/11/2023	Trường Đại học GTVT	Bằng ThS số C003007 cấp ngày 10/04/2025

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Tính toán thiết kế và thi công đường sắt không đá kiểu tấm bản	TK	Nhà xuất bản giao thông vận tải, năm xuất bản 2013	3		Từ trang 67 đến trang 98	Văn bản xác nhận ngày 12 tháng 06 năm 2025 của Trường Đại học GTVT

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu tính toán kết cấu đường sắt không đá dạng bản bê tông (slab track) ở đoạn chuyển tiếp giữa cầu và đường	CN	Mã số T2018-CT-045 Cấp cơ sở	1/2018-12/2018	Nghiệm thu ngày 3/12/2018 Xếp loại: Tốt
2	Nghiên cứu tuổi thọ mỏi của tà vẹt bê tông dự ứng lực trên đường sắt đô thị Việt Nam	CN	Mã số T2019-CT-01TĐ Cấp cơ sở (trọng điểm)	1/2019-12/2020	Nghiệm thu ngày 13/01/2021 Xếp loại: Tốt

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu thiết kế, chế tạo tà vẹt bê tông dự ứng lực cho ghi đơn phổ thông khổ 1000mm và thử nghiệm cho đường sắt chuyên dùng	CN	Mã số B2022-GHA-07 Cấp Bộ GD&ĐT	1/2022 - 12/2023	Nghiệm thu ngày 28/02/2024 Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS (17 bài báo)							
I.1	Bài báo đăng trên tạp chí, báo cáo khoa học chuyên ngành uy tín trong nước (12 bài báo)							
1	Tính toán kết cấu mặt đường không đá balát dạng bản bê tông bằng phương pháp pháp phần tử hữu hạn và ứng dụng cho đường sắt đô thị Việt Nam	2		Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải ISSN 1859-2724			Số 32, 88-93	Tháng 11, 2010
2	Prestressed concrete sleeper used guard rail for dual gauge (1,000mm and 1,435mm) at small radius curves (R<300m)	1	x	The Transport Journal (ICSCE 2016) ISSN 2354 – 0818 (Tạp chí Giao thông vận tải số đặc biệt - tiếng Anh)			Special issue, 160-162	Tháng 11, 2016
3	Xác định khe hở ray hệ bánh hợp lý phòng mòn, chống trật bánh cho đường sắt khổ lồng ở Việt Nam tại các đường cong bán kính nhỏ	2	x	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải ISSN 1859-2724			Số 56, 36-40	Tháng 02, 2017

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
4	Fatigue life assessment of prestressed concrete sleepers for urban railway	3		The Transport Journal (ICSCE 2018) ISSN 2354 – 0818 (Tạp chí Giao thông vận tải số đặc biệt - tiếng Anh)			Special issue, 401-404	Tháng 11, 2018
5	Research slab track for railway track transition zones between embankment and bridge	2	x	The Transport Journal (ICSCE 2018) ISSN 2354 – 0818 (Tạp chí Giao thông vận tải số đặc biệt - tiếng Anh)			Special issue, 397-400	Tháng 11, 2018
6	Nghiên cứu đánh giá tuổi thọ mỏi của bản bê tông dự ứng lực liên khối tại vị trí đường ngang trên đường sắt tại các nút giao quốc lộ và đường sắt	3	x	Hội nghị cơ học kỹ thuật toàn quốc ISBN 978-604-913-854-6			Tập 1, 542-549	Tháng 4, 2019
7	Nghiên cứu cơ sở lý thuyết tính toán tuổi thọ mỏi đối với tà vẹt bê tông dự ứng lực nhằm nâng cao an toàn chạy tàu	1	x	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818 (Hội nghị an toàn giao thông Việt nam, 2019)			Số đặc biệt, 157-161	Tháng 11, 2019
8	Nghiên cứu đề xuất giải pháp kết cấu đường ngang tại nơi giao cắt đồng mức giữa đường bộ và đường sắt đảm bảo an toàn giao thông và phát triển bền vững	6	x	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818 (Hội nghị an toàn giao thông Việt nam, 2019)			Số đặc biệt, 146-150	Tháng 11, 2019
9	Nghiên cứu các tiêu chí kỹ thuật đánh giá hiệu quả của các loại đường ngang tại nơi giao cắt giữa đường bộ và đường sắt	5		Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Số tháng 11, 117-120	Tháng 11, 2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
10	Nghiên cứu sản xuất thử nghiệm bản bê tông dự ứng lực liên khối làm đường ngang tại nơi giao cắt giữa đường bộ và đường sắt	4	x	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Số tháng 12, 54-58	Tháng 12, 2020
11	Nghiên cứu sử dụng công nghệ khoan định hướng ngang (HDD) trong thi công đường ống không đào hở qua đường giao thông	2	x	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Số tháng 8, 83-88	Tháng 08, 2021
12	Nghiên cứu đề xuất giải pháp kết cấu tà vẹt Composite sử dụng cho đường sắt Việt Nam nhằm phát triển bền vững	3	x	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Số tháng 9, 82-86	Tháng 09, 2021
I.2 Bài báo công bố trên tạp chí, báo cáo khoa học quốc tế (05 bài báo)								
13	Design Proposal and Behavior Simulation of Prestressed Concrete Slab Track at Highway-Railway Grade Crossings	6	x	Proceedings of the 5th International Conference on Geotechnics, Civil Engineering Works and Structures, CIGOS 2019, ISSN: 2366-2557	Scopus (2016-2025)		Volume 54, 93-98	Tháng 10, 2019
Link bài báo: https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-981-15-0802-8_11 Link kiểm tra bài thuộc Scopus: https://www.scopus.com/sourceid/21100889404								

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
14	Theoretical and experimental research in the assessment fatigue life of prestressed concrete sleeper on the urban railway	5	x	Proceedings of the International Conference GTSD2020, Computational Intelligence Methods for Green Technology and Sustainable Development ISSN: 2194-5357	Scopus (2012-2021)		Volume 1284, 327-337	Tháng 10, 2020
Link bài báo: https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-030-62324-1_28 Link kiểm tra bài báo thuộc Scopus: https://www.scopus.com/sourceid/5100152904								
15	Behavior of monolithic prestressed concrete slab track at highway-railway grade crossings	4	x	Journal of Materials and Engineering Structures, e-ISSN: 2170-127X	ESCI (5-year IF: 0.6)		Volume 7, No 4(2020), 613-618	Tháng 12, 2020
Link bài báo: https://revue.ummto.dz/index.php/JMES/article/view/2568 Link kiểm tra bài báo thuộc ESCI: https://mjl.clarivate.com/home								
16	Numerical and experimental study of the dynamic factor of the dynamic load on the urban railway	6	x	Journal of the Mechanical Behavior of Materials, e-ISSN: 2191-0243	Scopus /ESCI (5-year IF: 1.7), Q2	5	Volume 29, Issue 1, 195-202	Tháng 12, 2020
Link bài báo: https://www.degruyterbrill.com/document/doi/10.1515/jmbm-2020-0020/html Link kiểm tra bài báo thuộc Scopus: https://www.scopus.com/sourceid/21100829572								

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
17	Numerical simulation in the assessment fatigue life of prestressed concrete sleeper on the urban railway	3	x	Proceedings of the 6th International Conference on Geotechnics, Civil Engineering and Structures, CIGOS 2021, ISSN: 2366-2557	Scopus (2016-2025)	2	Volume 203, 421-430	Tháng 10, 2021
Link bài báo: https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-981-16-7160-9_42								
Link kiểm tra bài thuộc Scopus: https://www.scopus.com/sourceid/21100889404								
II	Sau khi được công nhận TS (16 bài báo)							
II.1	Bài báo đăng trên tạp chí, báo cáo khoa học chuyên ngành uy tín trong nước (09 bài báo)							
18	Xây dựng chương trình tính toán xác định tuổi thọ mỏi đối với tà vẹt bê tông dự ứng lực đường sắt đô thị	1	x	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818 (Hội nghị an toàn giao thông Việt nam, 2021)			Số đặc biệt, 140-145	Tháng 1, 2022
19	Nghiên cứu tính toán tà vẹt ghi bê tông dự ứng lực cho ghi đơn phổ thông khổ 1000mm theo tiêu chuẩn châu Âu	1	x	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Số tháng 1+2, 76-80	Tháng 1, 2022
20	Nghiên cứu quy trình thử nghiệm tà vẹt ghi bê tông dự ứng lực cho ghi đơn phổ thông khổ 1000mm theo tiêu chuẩn châu Âu	1	x	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Số tháng 3, 37-41	Tháng 3, 2022
21	Nghiên cứu thử nghiệm phụ kiện giữ ray đối với tà vẹt ghi bê tông dự ứng lực theo tiêu chuẩn châu Âu	2	x	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Số tháng 1+2, 62-64	Tháng 1, 2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
22	Nghiên cứu sản xuất lắp đặt thử nghiệm tà vẹt ghi bê tông dự ứng lực cho ghi đơn phổ thông khổ 1.000mm	2	x	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Số tháng 6, 64-67	Tháng 6, 2023
23	Nghiên cứu đánh giá tính an toàn và hiệu quả kinh tế khi sử dụng tà vẹt ghi bê tông dự ứng lực thay thế tà vẹt gỗ tại vị trí đặt ghi	3	x	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Số tháng 9, 89-92	Tháng 9, 2023
24	Nghiên cứu tính toán tà vẹt bê tông dự ứng lực đáp ứng điều kiện kỹ thuật đường sắt tốc độ cao tại Việt Nam	1	x	Tạp chí xây dựng ISSN 2734-9888			Số tháng 4, 225-227	Tháng 4, 2025
25	Nghiên cứu tính toán cường độ đường ray kết cấu đường không đá ba lát đường sắt tốc độ cao	3	x	Tạp chí cầu đường Việt Nam ISSN: 1859-459X			Số 5, 21-25	Tháng 5, 2025
26	Nghiên cứu tính toán kết cấu đường không đá ba lát dạng bản bê tông đường sắt tốc độ cao	2	x	Tạp chí xây dựng ISSN: 2734-9888			Số tháng 5, 158-161	Tháng 5, 2025
II.2	<i>Bài báo công bố trên tạp chí, báo cáo khoa học quốc tế (07 bài báo)</i>							
27	Performance Evaluation of Carrying Capacity of Prestressed Bearers for Railway Turnouts Using Laboratory Experiments in Vietnam	2	x	Infrastructures ISSN: 2412-3811	ESCI, 5-Year Impact Factor: 2.8 (2023), Q2.		Volume 7, issue 11, 1-17	Tháng 11, 2022
Link bài báo: https://doi.org/10.3390/infrastructures7110151 Link kiểm tra bài báo thuộc ESCI: https://mjl.clarivate.com/home								

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
28	Experimental Study of Prestressed Concrete Track Slab at Railroad Crossings	2	x	Journal of Materials and Engineering Structures e-ISSN: 2170-127X	ESCI (5-year IF: 0.6)		Volume 9, No 4(2022), 493-498	Tháng 12, 2022
Link bài báo: https://revue.ummto.dz/index.php/JMES/article/view/3310 Link kiểm tra bài báo thuộc ESCI: https://mjl.clarivate.com/home								
29	A Study on Derailment at Railway Turnout Using the Multi-body Dynamics Simulation	3	x	Journal of Materials and Engineering Structures e-ISSN: 2170-127X	ESCI (5-year IF: 0.6)		Volume 9, No 4(2022), 499-505	Tháng 12, 2022
Link bài báo: https://revue.ummto.dz/index.php/JMES/article/view/3280 Link kiểm tra bài báo thuộc ESCI: https://mjl.clarivate.com/home								
30	Analysis of a Prestressed Sleeper for Railway Turnout under the Effect Static Load with a Unilateral Contact Model and Support Stiffness of Existing Railway Bed of a Railway Section in Vietnam	2	x	Journal of Materials and Engineering Structures e-ISSN: 2170-127X	ESCI (5-year IF: 0.6)		Volume 9, No 4(2022), 629-639	Tháng 12, 2022
Link bài báo: https://revue.ummto.dz/index.php/JMES/article/view/3311 Link kiểm tra bài báo thuộc ESCI: https://mjl.clarivate.com/home								

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
31	Experimental Study on In-plane Stiffness of Track in a Turnout of the Railway in Vietnam	2	x	The Open Construction & Building Technology Journal ISSN: 1874-8368	Scopus (2010-2025), Q3, IF: 1.18		Volume 17, 1-13	Tháng 10, 2023
Link bài báo: https://doi.org/10.2174/0118748368274755231128111815 Link kiểm tra bài báo thuộc Scopus: https://www.scopus.com/sourceid/19700186833								
32	Determination of Substructure and Sub-ballast Layer Thickness of High-Speed Railway	3	x	Journal of Materials and Engineering Structures e-ISSN: 2170-127X	ESCI (5-year IF: 0.6)		Volume 11, No 4(2024), 525-531	Tháng 12, 2024
Link bài báo: https://revue.ummto.dz/index.php/JMES/article/view/3756 Link kiểm tra bài báo thuộc ESCI: https://mjl.clarivate.com/home								
33	Study on the Stiffness of Rail Support for Some Lines of Urban Railway in Vietnam	4	x	Journal of Materials and Engineering Structures e-ISSN: 2170-127X	ESCI (5-year IF: 0.6)		Volume 11, No 4(2024), 533-542	Tháng 12, 2024
Link bài báo: https://revue.ummto.dz/index.php/JMES/article/view/3757 Link kiểm tra bài báo thuộc ESCI: https://mjl.clarivate.com/home								

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau TS là **07** bài, trong đó có **06** bài thuộc danh mục ESCI (các bài báo số [27], [28], [29], [30], [32], [33]) (trong đó có 1 bài ESCI, Q2, bài báo số [27]), **01** bài thuộc danh mục Scopus, Q3, (bài báo số [31]).

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích:

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	Bản bê tông dự ứng lực làm đường ngang trên đường sắt tại các nút giao đường bộ và đường sắt	Cục sở hữu trí tuệ - Việt Nam	04/04/2024	Tác giả chính	4

- Trong đó: Số lượng bằng độc quyền giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau TS: 01.

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế: Ứng viên không có giải thưởng quốc gia, quốc tế.

8. Tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo:

TT	Chương trình đào tạo	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành Đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, ngành Kỹ thuật xây dựng CTGT	Tham gia (Thư ký)	Quyết định số 260/QĐ-ĐHGTVT ngày 22 tháng 01 năm 2025	Trường ĐH GTVT	Quyết định số 636/QĐ-ĐHGTVT ngày 24 tháng 03 năm 2025	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế:

- Đối chiếu theo các quy định hiện hành, ứng viên đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn để đăng ký xét công nhận chức danh Phó giáo sư. Vì vậy, ứng viên không đề xuất các công trình khoa học thay thế cho các tiêu chuẩn không đủ so với quy định.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Trần Anh Dũng